

# PHÂN TÍCH KẾT QUẢ CÔNG BỐ QUỐC TẾ CỦA 23 CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010-2022 TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU SCOPUS

Nguyễn Thị Thura<sup>1</sup>,  
Lương Đình Hải<sup>2,3,+</sup>,  
Phạm Hùng Hiệp<sup>4,5</sup>

<sup>1</sup>Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia; <sup>2</sup>Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam; <sup>3</sup>Đại học Bách khoa Hà Nội; <sup>4</sup>Trường Đại học Thành Đô; <sup>5</sup>Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội  
+Tác giả liên hệ • Email: luongdinhhai@gmail.com

## Article history

Received: 01/3/2024

Accepted: 25/3/2024

Published: 20/5/2024

## Keywords

Education policy, research quality, growth level, development strategy, university autonomy policy

## ABSTRACT

University autonomy represents an inexorable trend in university governance worldwide. In Vietnam, the 2012 Higher Education Law advocates and facilitates the comprehensive autonomy of higher education institutions. Between 2015 and 2017, 23 higher education institutions were selectively granted university autonomy under the auspices of Resolution 77/NQ-CP. This study endeavors to examine the outcomes of the autonomy policy by assessing the annual growth in the number of international publications from 2010 to 2022, utilizing the Scopus database encompassing these 23 institutions using bibliometric analysis. The findings reveal the delineation of five distinct groups correlating with varied growth levels in the international publications volumes from 2010 to 2022. To more precisely assess the efficacy of autonomy policies, the authors suggest conducting an impact analysis employing the difference-in-differences method in future research endeavors.

## 1. Mở đầu

Trên thế giới, nâng cao tự chủ đại học (ĐH) được xem là phương thức cơ bản trong đổi mới quản trị ĐH, giúp tăng hiệu quả trong các hoạt động quản trị, từ đó nâng cao chất lượng, kết quả và tăng tính cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) (Estermann et al., 2011). Hiện nay, mô hình quản trị cơ sở GDĐH đã và đang dần chuyển dịch từ Nhà nước kiểm soát sang Nhà nước giám sát (Hoàng Thị Xuân Hoa, 2012), theo đó, các cơ sở GDĐH sẽ có nhiều tự chủ trong việc xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập; tuyển sinh, tổ chức và quản lý quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, tổ chức, nhân sự và tài chính (Phan Đăng Sơn, 2016). Ngày 24/10/2014, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP về việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với 23 cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017 (bảng 1). Theo đó, các đơn vị này được tự chủ về kinh phí hoạt động chi thường xuyên và/hoặc chi đầu tư và các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức bộ máy và nhân sự, chính sách học bổng, học phí. Kết quả triển khai tự chủ ĐH trong thời gian qua cho thấy các cơ sở GDĐH đã đạt được kết quả tích cực ở nhiều khía cạnh như chất lượng đội ngũ giảng viên, thu nhập của giảng viên, tỉ lệ tuyển sinh, số lượng bài báo quốc tế, liên kết đào tạo nước ngoài, xếp hạng ĐH trên thế giới (Bộ GD-ĐT, 2022). Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nhiều công bố đánh giá hiệu quả của chính sách tự chủ xét riêng về kết quả nghiên cứu khoa học. Trong bài báo này, dựa trên dữ liệu thu thập từ cơ sở dữ liệu (CSDL) Scopus, chúng tôi kiểm đếm kết quả công bố của 23 cơ sở GDĐH thí điểm tự chủ trong giai đoạn 05 năm trước và 05 năm sau thời điểm năm tự chủ (cụ thể từ 2010-2022). Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã phân loại 23 cơ sở GDĐH tự chủ thành 05 nhóm khác nhau căn cứ theo mức độ tăng trưởng về số lượng công bố trước và sau năm tự chủ.

Bảng 1. Danh sách 23 cơ sở GDĐH thí điểm tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP

STT	Tên cơ sở GDĐH thí điểm tự chủ	Năm tự chủ	STT	Tên cơ sở GDĐH thí điểm tự chủ	Năm tự chủ
1	Trường ĐH Điện lực	2015	13	ĐH Bách khoa Hà Nội	2016
2	Trường ĐH Hà Nội	2015	14	Trường ĐH Thương mại	2016
3	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	2015	15	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2016
4	Trường ĐH Ngoại thương	2015	16	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	2017

5	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2015	17	Viện ĐH Mở Hà Nội	2017
6	Trường ĐH Công nghiệp Dệt May Hà Nội	2015	18	Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	2017
7	Trường ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	2015	19	Trường ĐH Kinh tế (ĐH Đà Nẵng)	2017
8	Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	2015	20	Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh	2017
9	Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2015	21	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	2017
10	Trường ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh	2015	22	Trường ĐH Trà Vinh	2017
11	Trường ĐH Tài chính - Marketing	2015	23	Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	2017
12	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	2015			

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Nguồn thu thập dữ liệu

CSDL Scopus được sử dụng làm nguồn thu thập thông tin. Là một trong những CSDL lớn nhất thế giới, Scopus cung cấp cho người tìm tin bộ dữ liệu đa dạng bao gồm các bài báo khoa học, sách, bài báo hội thảo và các chương sách. Scopus có cấu trúc dữ liệu thuận lợi cho tham chiếu, giúp nhà nghiên cứu dễ dàng trích xuất dữ liệu (Elsevier, n.d.). Scopus hiện nay được hai bảng xếp hạng ĐH hàng đầu trên thế giới là Times Higher Education và QS (Quacquarelli Symonds) sử dụng là một tiêu chí đánh giá. Tại Việt Nam, Scopus cũng được Hội đồng Giáo sư Nhà nước và nhiều cơ sở GDDH sử dụng làm căn cứ xem xét chất lượng nghiên cứu.

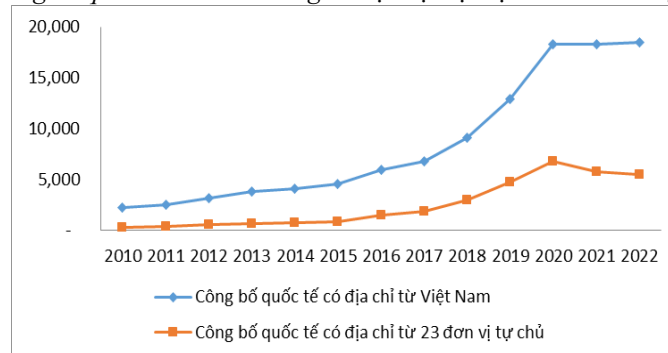
#### 2.1.2. Tiêu chí và quy trình thu thập dữ liệu

Tên các cơ sở GDDH bằng tiếng Anh được sử dụng để tra cứu thông tin mã đơn vị (Affiliation ID). Với việc sử dụng mã trường để tra cứu, dữ liệu được thu thập một cách chính xác và đầy đủ vì mỗi cơ sở GDDH có nhiều biến thể tên gọi khác nhau trên CSDL Scopus. Quá trình tra cứu cho thấy, trong số 23 cơ sở GDDH tự chủ, có 12 trường có duy nhất 01 mã đơn vị; các trường còn lại có nhiều hơn 02 mã; đặc biệt 01 trường có tới 11 mã khác nhau trên CSDL Scopus.

Tên trường và từ khóa "Vietnam" được đưa vào mục tìm kiếm để xác định mã trường của 23 cơ sở GDDH tự chủ tại Việt Nam. Danh sách kết quả tìm kiếm được kiểm tra thủ công kết hợp với đối chiếu thông tin của các cơ sở GDDH tự chủ công khai trên các phương tiện truyền thông. Sau khi xác định xong số lượng mã đơn vị tối đa có thể có của 23 cơ sở GDDH tự chủ, tất cả các mã này được sử dụng để truy vấn dữ liệu về số lượng công bố của từng đơn vị được chỉ mục trên CSDL Scopus. Chúng tôi xác định danh sách tài liệu của 23 cơ sở GDDH tự chủ công bố trong khoảng 05 năm trước và 05 năm sau năm tự chủ. Vì năm tự chủ của các đơn vị dao động từ 2015-2017 nên chúng tôi lấy mốc tài liệu công bố từ năm 2010 đến hết năm 2022. Tất cả các dạng tài liệu công bố bằng mọi ngôn ngữ xuất bản trên tất cả các lĩnh vực nghiên cứu của 23 đơn vị này đều được đưa vào phân tích. Thông tin về số lượng tài liệu công bố quốc tế của từng cơ sở GDDH được tổng hợp trên một tệp Excel và đã được tải lên kho dữ liệu Mendeley (Nguyen et al., 2024). Số liệu được thống kê theo năm để xác định sự thay đổi về kết quả công bố của 23 cơ sở GDDH tự chủ của Việt Nam.

### 2.2. Kết quả và bàn luận

#### 2.2.1. Kết quả chung về công bố quốc tế của 23 cơ sở giáo dục đại học tự chủ so với công bố quốc tế của cả nước



Hình 1. Số lượng công bố Scopus của Việt Nam và 23 cơ sở GDDH tự chủ giai đoạn 2010-2022

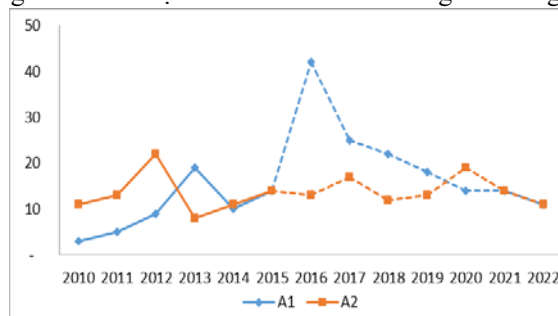
Hình 1 cho thấy, số lượng công bố từ Việt Nam tăng một cách đáng kể trong giai đoạn 2011-2020 và sau đó có dấu hiệu giảm nhẹ trong hai năm 2021, 2022; vai trò của 23 cơ sở GDDH tự chủ ngày càng quan trọng. Năm 2011, 23 cơ

sở GDĐH tự chủ chỉ công bố 279 công trình chiếm 12,5% so với 2.230 công trình của toàn Việt Nam. Đến năm 2022, con số này đã tăng lên 5.451 công trình trên 18.487 công trình tính trên toàn Việt Nam, chiếm 29,5%. Năm mà tại đó các cơ sở GDĐH tự chủ đóng góp nhiều nhất về số lượng công bố từ Việt Nam là năm 2020 (6.748 bài trên tổng số 18.293, chiếm 36,9%). Tính trung bình trong giai đoạn 2011-2022, 23 cơ sở GDĐH tự chủ đóng góp 29,3% vào tổng số công bố có địa chỉ từ Việt Nam. Điều đó có nghĩa là cứ trong 100 công bố từ Việt Nam trong giai đoạn 2010-2022 trên CSDL Scopus thì có trung bình khoảng 30 bài là có ít nhất tác giả đến từ một trong 23 cơ sở GDĐH tự chủ.

### 2.2.2. Kết quả công bố quốc tế của 23 cơ sở giáo dục đại học tự chủ theo mức độ tăng trưởng

Để có góc nhìn sâu hơn và chi tiết hơn về kết quả nghiên cứu của 23 cơ sở GDĐH tự chủ, chúng tôi phân loại 23 cơ sở GDĐH tự chủ thành 05 nhóm khác nhau, đặt tên nhóm A, B, C, D và X theo mức độ tăng trưởng về số lượng tài liệu công bố quốc tế hàng năm trong giai đoạn 2010-2022, cụ thể:

- *Nhóm A (các cơ sở GDĐH thay đổi không đáng kể về số lượng công bố quốc tế trước và sau khi tự chủ)*: gồm 02 đơn vị được mã hóa A1 và A2, đều bắt đầu tự chủ từ năm 2015. Trong đó, A1 là trường ĐH không thuộc Bộ GD-ĐT, có định hướng thiên về kỹ thuật - công nghệ; A2 là trường ĐH thuộc Bộ GD-ĐT, có định hướng về khoa học xã hội nhưng sau đó mở rộng sang cả các lĩnh vực khác để trở thành trường ĐH đa ngành, đa lĩnh vực.

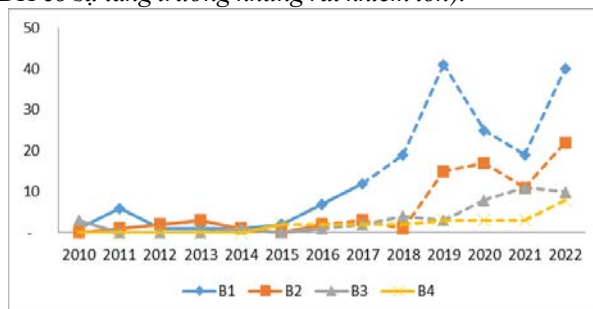


Hình 2. Số lượng công bố Scopus của hai cơ sở GDĐH thuộc nhóm A giai đoạn 2010-2022

(Chú thích: Đường nét liền biểu diễn xu hướng công bố các năm trước mốc tự chủ, đường nét đứt biểu diễn xu hướng công bố các năm sau mốc tự chủ)

Trước khi tự chủ, số lượng công trình công bố quốc tế của A1 chỉ có 03 tài liệu vào năm 2010 và tăng dần đến 14 tài liệu vào năm tự chủ 2015. Một năm sau thời điểm tự chủ, số lượng công trình đã vượt lên 42 tài liệu (tăng ba lần), tuy nhiên, xu hướng giảm dần lại diễn ra vào các năm sau đó với số lượng công trình chỉ là 11 tài liệu vào năm 2022. So sánh với A1, cơ chế tự chủ dường như không làm thay đổi xu hướng công bố quốc tế của A2. Tại năm tự chủ (2015), A2 có 14 công trình Scopus, tăng nhẹ so với năm 2010 (10 công trình). Sau tự chủ, số lượng công bố Scopus của A2 cũng không có chuyển biến đáng kể, xu hướng công bố nhìn chung là đi ngang với năm cao nhất (2020) cũng chỉ có 19 công bố.

- *Nhóm B (các cơ sở GDĐH có sự tăng trưởng nhưng rất khiêm tốn)*:



Hình 3. Số lượng công bố Scopus của các cơ sở GDĐH thuộc nhóm B giai đoạn 2010-2022

Nhóm B gồm 04 trường được mã hóa từ B1 đến B4. Trong đó, B1 là trường thành viên của một ĐH vùng thuộc khu vực miền Trung. B2 là một đơn vị trực thuộc Bộ GD-ĐT, có các chương trình đào tạo linh hoạt phù hợp cho nhiều đối tượng người học ngay từ khi mới thành lập. B3 là trường ĐH đơn ngành uy tín, trực thuộc Bộ GD-ĐT; B4 là đơn vị có tiền thân là một cơ sở đào tạo nghiệp vụ dệt may trong công nghiệp. Nhìn chung, các cơ sở GDĐH này có khá ít công trình công bố quốc tế, thậm chí không có công trình nào trong một vài năm. Sau hơn 05 năm tự chủ, các cơ sở GDĐH này đã có ít nhiều thay đổi. Cụ thể, B1 và B2, mặc dù, số lượng tài liệu công bố quốc tế cao hơn

hai cơ sở GDDH còn lại nhưng số lượng vẫn còn khiêm tốn, lần lượt chỉ là 40 và 22 tài liệu vào năm 2022. Trước tự chủ, B4 không có công bố quốc tế trong nhiều năm; đến năm 2022, số lượng có tăng nhẹ lên 08 tài liệu. B3 có xu hướng công bố tương tự B4.

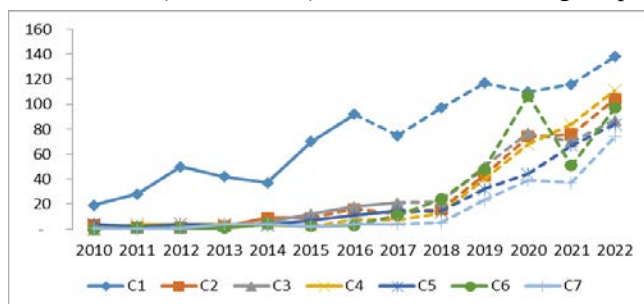
- *Nhóm C (các cơ sở GDDH có sự thay đổi mạnh)*: gồm 07 đơn vị được mã hóa từ C1 đến C7. Trong đó, C1 là đơn vị đào tạo về kỹ thuật trong ngành bưu chính và viễn thông; C2 là cơ sở GDDH có thế mạnh về kinh tế và kinh doanh quốc tế; C3 là cơ sở GDDH được thành lập trên nền tảng triển khai dự án hợp tác giữa Việt Nam và Canada; C4 là cơ sở GDDH ở phía Nam, trực thuộc Bộ Tài chính, có chuyên ngành về lĩnh vực kinh tế, tài chính, marketing; C5 là trường ĐH chuyên ngành khoa học sức khỏe, trực thuộc Bộ Y Tế; C6 là trường ĐH có trụ sở tại Hà Nội và chuyên về kinh tế, thương mại; và C7 là trường ĐH thuộc Bộ Công thương, chuyên đào tạo về kinh tế, kỹ thuật công nghiệp.

Các cơ sở GDDH này đều có số lượng công bố quốc tế tăng đều kể từ mốc tự chủ. Trước thời này, đa phần các đơn vị này đều chỉ có khá ít công trình công bố quốc tế (từ khoảng dưới 10 tài liệu đến hơn 20 tài liệu). Tuy nhiên, sau tự chủ, số lượng công bố quốc tế năm 2022 tăng mạnh ít nhất bảy lần so với số lượng tại thời điểm tự chủ (từ khoảng hơn 70 tài liệu đến gần 140 tài liệu). Đối với C1, tốc độ tăng đều được duy trì trong suốt giai đoạn với 19 tài liệu vào năm 2010, năm bắt đầu tự chủ 2016 tăng lên 92 tài liệu và năm 2022 tăng đều lên 138 tài liệu. Tương tự C1, C4 và C6 chỉ có 02 và 03 tài liệu tương ứng vào năm bắt đầu tự chủ (2015 và 2016); đến năm 2022, số công bố quốc tế của hai đơn vị này đều tăng khoảng 100 tài liệu, cụ thể lần lượt là 111 tài liệu và 97 tài liệu.

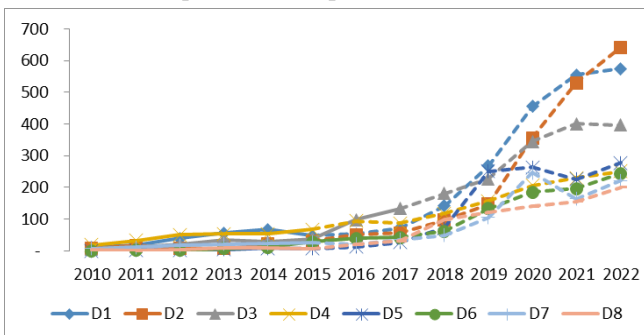
- *Nhóm D (các cơ sở GDDH có sự tăng trưởng rất mạnh)*: gồm 08 đơn vị được mã hóa từ D1 đến D8. Trong đó, có cùng tên gọi với D6, D1 có trụ sở tại phía Nam; D2 là trường ĐH trọng điểm của quốc gia trong lĩnh vực kinh tế - kinh doanh, có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh; D3 là cơ sở đào tạo ở khu vực phía Nam chuyên về giáo dục kỹ thuật; D4 là cơ sở đào tạo tại miền Bắc, chuyên về nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp; cùng chung mô hình đào tạo với B2, D5 là có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh; D6 là cơ sở giáo dục tại Hà Nội, có thế mạnh trong việc đào tạo các nhóm ngành kỹ thuật; D7 là cơ sở GDDH tiêu biểu của Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế và D8 có chuyên ngành đào tạo liên quan đến thực phẩm.

Các đơn vị này có kết quả công bố trước tự chủ ở mức độ khiêm tốn (ít hơn 100 tài liệu/năm). Mức độ tăng trưởng về công bố khoa học của các cơ sở GDDH này sau tự chủ chưa tăng đột biến ngay mà có độ trễ vài năm. Ví dụ tiêu biểu cho nhận định này là D1. Tại năm đầu tiên sau tự chủ, D1 có số công bố giảm nhẹ so với năm trước đó (52 tài liệu so với 67 tài liệu), sau đó tăng dần trở lại nhưng với tốc độ tăng khiêm tốn trong hai năm tiếp theo là 2016 (110%) và 2017 (151%) và chỉ đặc biệt tăng trưởng nhanh trong các năm 2018 trở về sau. Cơ sở GDDH này đạt số lượng rất ấn tượng vào năm 2022 với 575 tài liệu (so với năm 2010 chỉ có 10 tài liệu). Các cơ sở GDDH khác cùng nhóm là D2 đến D8 đều có chung xu hướng tăng trưởng như D1 nhưng thấp hơn về số lượng tài liệu công bố.

- *Nhóm X (ngoại lệ)*: Nhóm X gồm 02 đơn vị được mã hóa X1 và X2. Trong đó, X1 là cơ sở GDDH không thuộc Bộ GD-ĐT, X2 là trường ĐH đầu tiên về kỹ thuật ở Việt Nam. X1 là đơn vị có nhiều điểm đặc biệt nhất trong số 23 cơ sở GDDH thí điểm tự chủ. Nếu như trước tự chủ, đơn vị này chỉ công bố số lượng rất nhỏ là 13 tài liệu vào năm 2010 thì đến năm 2020, 5 năm sau thời điểm tự chủ, đơn vị này đã công bố được 3.479 tài liệu, chiếm 1/2 số lượng công bố quốc tế của cả 23 cơ sở GDDH cộng lại (6.748 tài liệu) và 1/6 số lượng công bố của cả Việt Nam năm 2020 (18.293 tài liệu). Tuy nhiên, có thể do thay đổi chính sách, từ năm 2021, số công bố của đơn vị này sụt giảm đáng kể, chỉ còn 1950 tài liệu (năm 2021) và 850 tài liệu (năm 2022).

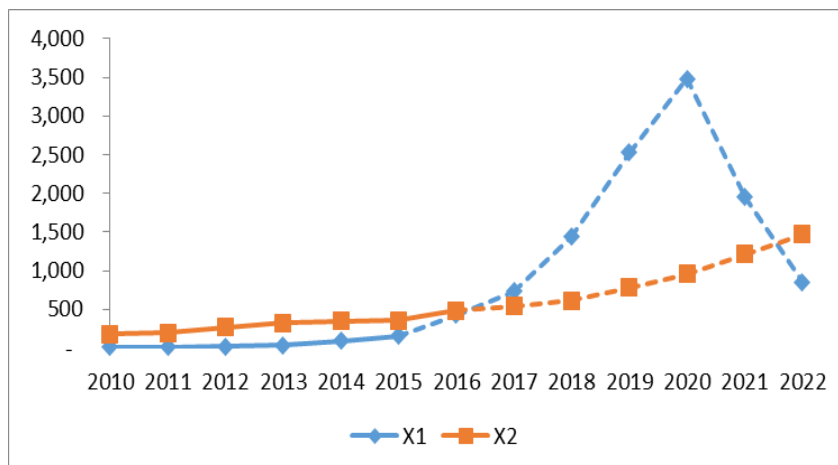


Hình 4. Số lượng công bố Scopus của 07 cơ sở GDDH thuộc nhóm C giai đoạn 2010-2022



Hình 5. Số lượng công bố Scopus của 08 cơ sở GDDH thuộc nhóm D giai đoạn 2010-2022

So với X1, X2 dường như có sự tăng trưởng về công bố quốc tế đều nhưng vững chắc hơn. Trong thực tế, từ trước khi tự chủ, số lượng công bố quốc tế của X2 đã khá cao so với mặt sàn chung. Số lượng công bố quốc tế của X2 tăng đều qua từng năm và có xu hướng tăng nhanh hơn sau tự chủ. Cho đến 2021, số lượng công bố quốc tế của X2 đã gần bằng với số lượng công bố quốc tế của X1 (1.217 tài liệu). Năm 2022, số lượng công bố quốc tế của X2 lần đầu vượt qua X1 và trở thành cơ sở GDĐH có số công bố quốc tế nhiều nhất trong số 23 trường tự chủ (1.469 tài liệu).



Hình 6. Số lượng công bố Scopus của 02 cơ sở GDĐH thuộc nhóm X giai đoạn 2010-2022

### 3. Kết luận

Tóm lại, tự chủ ĐH là một xu thế tất yếu trong quản trị ĐH và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này. Luật GDĐH, ban hành năm 2012, lần đầu tiên đề ra lộ trình thúc đẩy tự chủ cho toàn bộ hệ thống GDĐH Việt Nam. Đặc biệt, theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, từ 2015, 23 cơ sở GDĐH được thí điểm tự chủ toàn diện trong mọi hoạt động. Trong nghiên cứu này, sử dụng CSDL Scopus, chúng tôi đã kiểm đếm số lượng công bố quốc tế của 23 cơ sở GDĐH tự chủ trong giai đoạn 2010-2022. Kết quả cho thấy, có thể chia 23 cơ sở GDĐH này thành 05 nhóm A, B, C, D và X như đã trình bày ở trên. Nhìn chung, trừ 02 trường thuộc nhóm A, cả 21 cơ sở GDĐH còn lại đều có xu hướng tăng trưởng số lượng công bố quốc tế trong giai đoạn 2010-2022, nhất là sau khi được tự chủ. Trong số 21 trường này, lại có thể chia thành 04 nhóm theo mức độ tăng trưởng số lượng công bố quốc tế từ tăng trưởng khiêm tốn (nhóm B), đến tăng trưởng mạnh (Nhóm C), rất mạnh (nhóm D) và ngoại lệ (nhóm X). Tất nhiên, rất có thể sự tăng trưởng này không hẳn hoàn toàn là do các trường được thí điểm tự chủ mà có thể là do xu hướng chung của toàn bộ hệ thống GDĐH. Để bóc tách được tác động của chính sách thí điểm tự chủ, các nghiên cứu trong tương lai có thể áp dụng phương pháp phân tích khác biệt trong khác biệt (difference-in-differences) (Athey & Imbens, 2006), hoặc có thể xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của các cơ sở GDĐH tự chủ. Bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu này có thể có dữ liệu chưa thật tin cậy 100% do tên tiếng Anh và mã trường trên CSDL Scopus hiện nay còn khá lộn xộn, không thống nhất. Để khắc phục hiện trạng này, các cơ sở GDĐH tự chủ nói riêng và các cơ sở nghiên cứu nói chung cần thống nhất tên gọi bằng tiếng Anh, đồng thời có thể liên hệ với các CSDL quốc tế để thống nhất tên gọi và mã trường, từ đó có thể có được kết quả kiểm đếm chính xác và tin cậy hơn.

### Tài liệu tham khảo

- Athey, S., & Imbens, G. W. (2006). Identification and inference in nonlinear difference-in-differences models. *Econometrica*, 74(2), 431-497. <https://www.jstor.org/stable/3598807>
- Bộ GD-ĐT (2022). *Báo cáo Hội nghị Tự chủ đại học năm 2022*. Hà Nội.
- Chính phủ (2014). *Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017*.
- Estermann, T., Nokkala, T., & Steinel, M. (2011). *University Autonomy in Europe II: The Scorecard*. EUA, Brussels.
- Hoàng Thị Xuân Hoa (2012). Tự chủ đại học: Xu thế của phát triển. *Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội*, 253, 26.
- Nguyen, T. T., Luong, D. H., & Pham, H. H. (2024). Data on scientific Scopus-indexed publications of 23 autonomous universities in Vietnam from 2010 to 2022. *Mendeley Data*, V1. <http://doi.org/10.17632/6ffyhfrzmn.1>
- Phan Đăng Sơn (2016). *Một số giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các trường đại học ở Việt Nam*. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dai-hoc/Pages/default.aspx?ItemID=3825>
- Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. Luật số 08/2012/QH13, ban hành ngày 18/6/2012.